

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/DS-ST

Ngày: 16 – 8 – 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Anh Tuấn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Châu.

Ông Hứa Trọng Toàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lê Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**

Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông **Trần Gia T**, sinh năm 1971 – Nhân viên công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Theo giấy uỷ quyền ngày 21-8-2023) (*Có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: 8 L, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Lý Thị Thanh T1**, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 16/8/2024 người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Gia T trình bày:

Ngày 11-8-2022, bà Lý Thị Thanh T1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T1, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Cụ thể như sau: Loại thẻ Visa, số thẻ 472074 - 0056, ngày ký 11/08/2022, lãi suất 2,766%/tháng và loại thẻ vay TD, số thẻ 211251 - 1738, ngày ký hợp đồng 17/8/2022, lãi suất áp dụng 2,22%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.301.900 đồng (gồm thẻ Visa 472074 - 0056 là 2.301.900 đồng và thẻ vay TD 211251 - 1738 là 27.000.000 đồng).

- Đối với thẻ tín dụng Visa 472074 - 0056: Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay bà T1 không thanh toán tiền cho Ngân hàng. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18, 19 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 14-01-2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 và sau đó chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 16/8/2024, thẻ tín dụng Visa 472074 - 0056 của bà T1 còn nợ tổng số tiền 5.335.721 đồng cụ thể như sau:

- Dư Nợ gốc: 2.951.833 đồng.

- Lãi quá hạn: 2.383.888 đồng.

- **Tổng dư nợ: 5.335.721 đồng**

(Bằng chữ: Năm triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng)

- Đối với khoản vay tiêu dùng S1 giải ngân qua số tài khoản 3917710281 của bà T1: từ ngày giải ngân số tiền 27.000.000 đồng đến nay bà T1 đã không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 3 của Bảng Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng S1), ngày 25-12-2022 Ngân hàng đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn (Điều 5 của Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng S1).

Tính đến ngày 16/8/2024, khoản vay S1 số tài khoản 3917710281 của bà T1 còn nợ tổng số tiền 48.179.600 đồng cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 28.940.000 đồng.

- Lãi quá hạn: 19.239.600 đồng

- **Tổng dư nợ: 48.179.600 đồng**

(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm đồng)

- Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T1 vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

1/ Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Thị Thanh T1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền của thẻ tín dụng Visa 472074 - 0056 tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 5.335.721 đồng (trong đó: Dư Nợ gốc: 2.951.833 đồng; Lãi quá hạn: 2.383.888 đồng).

2/ Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Thị Thanh T1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền của thẻ vay TD khoản vay S1 số tài khoản 3917710281 tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 48.179.600 đồng (trong đó: Dư Nợ gốc: 28.940.000 đồng; Lãi quá hạn: 19.239.600 đồng)

3/ Buộc bà Lý Thị Thanh T1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/8/2024 đối với thẻ tín dụng Visa 472074-0056 và khoản vay S1 3 số tài khoản 3917710281 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Lý Thị Thanh T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Lý Thị Thanh T1 theo địa chỉ ghi trên hợp đồng đã ký kết tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 08/5/2024 của Tòa án tại Công an xã M, huyện M: Sau khi tra cứu trên phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Công an xã đang quản lý thể hiện bà Lý Thị Thanh T1, sinh năm 1999, có đăng ký thường trú tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nhưng hiện nay không có mặt ở địa phương nhưng không rõ ở đâu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 11/8/2022 thể hiện bà Lý Thị Thanh T1 có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức được cấp là 30.000.000 đồng với 02 loại thẻ gồm: Loại thẻ Visa, số thẻ 472074 - 0056, ngày ký 11/08/2022, lãi suất 2,766%/tháng và loại thẻ vay TD, số thẻ 211251 – 1738, ngày ký hợp đồng 17/8/2022, lãi suất áp dụng 2,22%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.301.900 đồng (gồm thẻ Visa 472074 – 0056 là 2.301.900 đồng và thẻ vay TD 211251 – 1738 là 27.000.000 đồng). Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lý Thị Thanh T1 đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng đã ký kết là không thực hiện trả vốn lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của Ngân hàng buộc bà Lý Thị Thanh T1 trả cho Ngân hàng số tiền vốn lãi gồm: Thẻ tín dụng Visa 472074 - 0056 tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 5.335.721 đồng (trong đó: Dư Nợ gốc: 2.951.833 đồng; Lãi quá hạn: 2.383.888 đồng) và thẻ vay TD khoản vay S1 số tài khoản 3917710281 tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 48.179.600 đồng (trong đó: Dư Nợ gốc: 28.940.000 đồng; Lãi quá hạn: 19.239.600 đồng). Đồng thời buộc bà T1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ theo hợp đồng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án có tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho bà Lý Thị Thanh T1 theo đúng địa chỉ ghi trên hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay bà T1 không có mặt ở địa phương, khi đi bà T1 cũng không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng biết coi như cô tình giấu địa chỉ nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Bà Lý Thị Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lý Thị Thanh T1. Đồng thời người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Trần Gia T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Gia T.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 11/8/2022 thể hiện bà Lý Thị Thanh T1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP S (S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức được cấp là 30.000.000 đồng với 02 loại thẻ gồm: Loại thẻ Visa, số thẻ 472074 - 0056, ngày ký 11/08/2022, lãi suất 2,766%/tháng và loại thẻ vay TD, số thẻ 211251 - 1738, ngày ký hợp đồng 17/8/2022, lãi suất áp dụng 2,22%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Lý Thị Thanh T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.301.900 đồng (gồm thẻ Visa 472074 - 0056 là 2.301.900 đồng và thẻ vay TD 211251 - 1738 là 27.000.000 đồng).

[3] Xét thấy, bà Lý Thị Thanh T1 đã thụ hưởng quyền lợi là sử dụng số tiền vay từ thẻ tín dụng của Ngân hàng là 29.301.900 đồng nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo như thỏa thuận đã vi phạm Điều 18, Điều 19 của Bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 25/12/2022 Ngân hàng

đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn đối với thẻ vay TD 211251 – 1738 với số tiền nợ gốc là 28.940.000 đồng (Điều 5 của Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng S1). Đối với thẻ tín dụng Visa 472074 – 0056 ngày 14/01/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 và sau đó chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn với số tiền nợ gốc là 2.951.833 đồng (Điều 24 của Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Theo bảng kê gốc, lãi tạm tính mà Ngân hàng cung cấp thể hiện số tiền bà Lý Thị Thanh T1 còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2024 gồm: Đối với thẻ tín dụng Visa 472074 - 0056 tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 5.335.721 đồng (trong đó: Dư Nợ gốc: 2.951.833 đồng; Lãi quá hạn: 2.383.888 đồng) và thẻ vay TD 211251 – 1738 khoản vay S1 số tài khoản 3917710281 tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 48.179.600 đồng (trong đó: Dư Nợ gốc: 28.940.000 đồng; Lãi quá hạn: 19.239.600 đồng), người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu bà T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn lãi của 02 thẻ tín dụng là 53.515.321 đồng (gồm nợ gốc 31.891.833 đồng, lãi quá hạn 21.623.488 đồng) và yêu cầu bà T1 trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Bà Lý Thị Thanh T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 7; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Lý Thị Thanh T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vốn lãi của 02 thẻ tín dụng tính đến ngày 16/8/2024 gồm: Thẻ tín dụng Visa 472074 - 0056 số tiền 5.335.721 đồng (*Năm triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng*) trong đó dư Nợ gốc là 2.951.833 đồng (*Hai triệu, chín trăm năm mươi một nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng*); Lãi quá hạn là 2.383.888 đồng (*Hai triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng*) và thẻ vay TD 211251-1738 khoản vay S1 số tài khoản 3917710281 là 48.179.600 đồng (*Bốn mươi tám triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm đồng*), trong đó: Dư Nợ gốc là 28.940.000 đồng (*Hai mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng*); Lãi quá hạn là 19.239.600 đồng (*Mười chín triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm đồng*). Tổng cộng là 53.515.321 đồng (*Năm mươi ba triệu, năm trăm mười lăm nghìn, ba trăm hai mươi một đồng*), gồm nợ gốc 31.891.833 đồng (*Ba mươi một triệu, tám trăm chín mươi một nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng*), lãi quá hạn 21.623.488 đồng (*Hai mươi một triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 17/8/2024 cho đến khi bà Lý Thị Thanh T1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì hàng tháng bà Lý Thị Thanh T1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 865.782 đồng (*tám trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0043045, ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2/ Bà Lý Thị Thanh T1 phải chịu số tiền án phí là 2.675.766 đồng (*Hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng*).

3/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh, TP . HCM;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn

